

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN VĂN THỜI
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2019/HS-ST

Ngày 08-7-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN VĂN THỜI, TỈNH CÀ MAU

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Q Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Văn Điệp.

Ông Duyên Văn Hiền.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Q Khanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời tham gia phiên tòa:* Ông Dương Việt Khái – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Văn Thời xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 43/2019/HSST ngày 10 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2019/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

Trần Thị V X, sinh năm 1974 tại Cà Mau; giới tính: Nữ; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Ấp Đ, xã KB, huyện TV, tỉnh Cà Mau; nghề nghiệp: Làm thuê; Q tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: Không biết chữ; con ông: Trần Văn N, sinh năm 1937 (chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1939; anh, chị, em ruột: 06 người; chồng: Lê Văn N, sinh năm 1953 (đã ly thân); con: 02 người; tiền án; tiền sự: Không; bị khởi tố cho tại ngoại cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Võ Giang N - Là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Q H, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp ĐB, xã KB, huyện TV, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trần Thị V X và Nguyễn Q H là bạn bè quen biết với nhau từ trước. Khoảng 08 giờ ngày 26/01/2019, tại nhà X thuộc ấp ĐB, xã KB Tây, huyện TV, tỉnh Cà Mau tổ chức nhậu gồm có H, Nguyễn Hoàng K, Trần Văn T. Nhậu được một lúc thì H say rượu nên lên vồng cách mâm nhậu khoảng 40cm nằm ngủ.

Trong lúc đang nhậu, do nghe điện thoại của H đổ chuông mà H không nghe nên X đi đến chỗ H nằm ngủ để gọi H. Cùng thời gian này, X phát hiện H đang đeo 01 chiếc nhẫn vàng 24K trọng lượng 05 chỉ trên ngón danh bàn tay phải. Do thấy H đang nằm ngủ nên X lén lút lột nhẫn vàng nếu H không phát hiện thì X sẽ chiếm đoạt. Lúc lột nhẫn vàng của H xong thì X vẫn thấy H còn ngủ nên đeo nhẫn vàng vào ngón danh bàn tay phải của mình, sau đó giấu vào túi áo khoác mục đích để chiếm đoạt. Khi H thức dậy phát hiện mất nhẫn vàng, do nghi ngờ X chiếm đoạt nên H trình báo đến Công an xã KB. Qua làm việc Trần Thị V X thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại Kết luận về việc định giá tài sản số 10/BB-ĐG của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Trần Văn Thới ngày 14/02/2019 kết luận: 01 nhẫn vàng loại 24k, trọng lượng 5 chỉ có giá trị bằng 18.250.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 49/CT-VKS ngày 08/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thới truy tố bị cáo Trần Thị V X tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự

- *Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa:* Sau khi phân tích tính chất nội dung của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo và khẳng định cáo trạng truy tố bị cáo là có căn cứ, nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, phạt bị cáo từ 06 đến 01 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường và vật chứng đã trả lại cho bị hại nên không xem xét.

- Bị cáo xác định nội dung bản cáo trạng truy tố là đúng hành vi phạm tội của bị cáo và xin được hưởng án treo.

- Trợ giúp viên pháp lý thống nhất tội danh Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, Điều 65 Bộ luật hình sự; Điều 02 Nghị quyết 02 ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trần Văn Thới, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thới, Kiểm

sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng nên các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo X khai nhận ngày 26/01/2019 bị cáo tổ chức uống rượu trong đó có anh Nguyễn Q H. Lợi dụng lúc anh H xỉ nằm ngủ, bị cáo X lén lút dùng tay lột 01 chiếc nhẫn vàng 24K trọng lượng 05 chỉ của anh H và cất dấu mục đích chiếm đoạt tài sản của anh H. Tài sản bị cáo chiếm đoạt qua định giá bằng 18.250.000 đồng. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực để chịu trách nhiệm hình sự và lợi dụng lúc anh H xỉ rượu nằm ngủ, bị cáo lén lút chiếm đoạt tài sản của anh H. Do đó, xét có đủ cơ sở kết luận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời truy tố bị cáo tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng do lòng tham, đã lợi dụng sự sơ hở quản lý tài sản của anh H để chiếm đoạt. Hành vi của bị cáo làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự xã hội ở địa phương nên cần có hình phạt tương xứng với hành vi và hậu quả do bị cáo gây ra.

[4] Tuy nhiên, xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cụ thể như sau: bị cáo phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về việc phạm tội của mình; được anh H bãi nại, xin cho bị cáo hình phạt nhẹ nhất; bị cáo là hộ nghèo, bản thân không biết chữ nên hiểu biết pháp luật còn hạn chế. Ngoài ra, bản thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội do lòng tham nhất thời; không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nhân thân tốt, có nơi cư trú, địa chỉ thường trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Do đó, Hội đồng xét xử cần cho bị cáo được hưởng án treo và có một khoản thời gian thử thách như đề nghị của Trợ giúp viên pháp lý cũng có đủ điều kiện giáo dục bị cáo cải sửa trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội và nhằm thể hiện tính khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[5] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Văn Thời đề nghị phạt bị cáo từ 06 đến 01 năm tù.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Anh H đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không đặt ra yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

[7] Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị V X phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, i, s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Thị V X **01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo**. Thời gian thử thách là (02) hai năm được tính kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 08/7/2019).

Giao bị cáo Trần Thị V X cho Ủy ban nhân dân xã KB, huyện TV, tỉnh Cà Mau để giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự. *“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”*.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Án phí hình sự sơ thẩm buộc bị cáo X phải nộp 200.000 đồng.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Án xử công khai báo cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau (01 bản);
- VKSND tỉnh Cà Mau (01 bản);
- VKSND huyện Trần Văn Thời (01 bản);
- Công an huyện Trần Văn Thời (01 bản);
- Chi cục THADS huyện Trần Văn Thời (01 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau (01 bản);
- Người tham gia tố tụng (02 bản);
- Hồ sơ vụ án (01 bản);
- Lưu Văn phòng (03 bản);

T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên